

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRỰC NINH  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2021/HS-ST**  
Ngày 25 - 11 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Nguyễn Đình Thanh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký TAND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở TAND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xử số: 65/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Quốc T (tên gọi khác Hoàng Văn T); Sinh năm 1990 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 9/2, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 11/12 ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Hoàng Quốc T1 (đã chết); con bà: Hoàng Thị T, sinh năm 1963; Vợ: Không; Sống chung như vợ chồng với Võ Thị N, sinh năm 1993 từ năm 2018 tại xóm 9/2 xã V và có 02 con chung, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2021;

Tiền án: Ngày 04/11/2009 bị TAND huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xử phạt 09 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Năm 2016 chấp hành xong.

Ngày 28/3/2017 bị TAND huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp tái phạm. Ngày 26/5/2019 chấp hành xong. Tiền sự: không.

Quá trình điều tra, Hoàng Quốc T bỏ trốn khỏi địa phương bị Cơ quan CSĐT ra quyết định truy nã. Ngày 14/7/2021, T đến đầu thú tại Công an phường

Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/7/2021 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Văn H, sinh năm 1996 tại tỉnh Nam Định; Nơi ĐKKHKT: xã V, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm 9/1, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn H1 (đã chết); con bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1976; Vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 06/9/2021 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại:** Ông Hà Văn H2, sinh năm 1965, nơi cư trú: Bản B, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La.

**Đại diện theo uỷ quyền của ông Hà Văn H2:** Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1992, nơi cư trú: Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Quốc T là người nghiện ma túy và không có việc làm ổn định. Do không có tiền, T nảy sinh ý định hỏi mượn xe máy nhãn hiệu Honda Dream của anh Nguyễn Thành Đ do ông Hà Văn H2 là bố vợ anh Đ đang sử dụng để đem cầm cố. Khoảng 16 giờ ngày 07/4/2021, T đi sang cơ sở sản xuất bê tông của anh Nguyễn Thành Đ gặp ông Hà Văn H2. Đến nơi, T nói với ông H2: “Chú cho cháu mượn cái xe, cháu chạy đi công việc tấy”, ông H2 nghĩ T mượn xe đi một lúc rồi đem về trả nên đưa chìa khóa xe máy cho T mượn. Sau khi mượn được xe, T gọi điện thoại cho Hoàng Văn H (là em con chú ruột của T) hỏi vay tiền. Do biết T nghiện ma túy và không có việc làm nên H không đồng ý. T nói dối H: “Anh đang có việc khó khăn, rất cần tiền, anh có con xe Dream, anh để chỗ này làm tin, ngày mai ngày kia anh lấy lại”. Nghĩ T có việc khó khăn thật nên H đồng ý, H nói với T nhớ đúng hẹn.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, T đi chiếc xe máy trên đến đầu đường QL21B cũ thuộc xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường gặp H. H hỏi T về chiếc xe máy, T nói xe của T, giấy tờ quên ở nhà. H đưa cho T 3.000.000đ, nhắc T đúng ngày trả tiền cho H. T đưa xe cho H rồi cầm tiền đi chi tiêu hết. H sử dụng chiếc xe máy T cầm cố để làm phương tiện đi lại. Anh Đ đã nhiều lần gọi điện cho T để yêu cầu T trả xe nhưng T không nghe và trốn tránh không gặp bố con anh Đ. Khoảng 1 tuần sau, anh Đ gọi điện thoại cho T hỏi về chiếc xe máy, T nói: “Anh cầm chiếc xe đó rồi, em bỏ tiền ra lấy xe hộ anh” nhưng anh Đ không đồng ý.

Ngày 23/4/2021, do không có tiền tiêu xài, T lại nảy sinh ý định lừa lấy tiền của anh Đ. T gọi điện thoại nói dối anh Đ: “Anh đang ở nhà, anh xoay được hai triệu rồi, mày xem cho anh mượn thêm năm trăm, anh đi chuộc xe về”. Tin tưởng lời T nói, anh Đ đồng ý đi xe máy đến nhà T. Gặp anh Đ, T nói: “Anh cầm xe trên khu Trục Chính” và bảo anh Đ chờ đi chuộc xe. Anh Đ chờ T lên

đến đường trục xã thuộc xóm An Thành, xã Trục Chính và đưa cho T 400.000đ để chuộc xe. T cầm tiền bảo anh Đ đứng ngoài chờ để tự T vào lấy xe cho Đ. Sau đó, T đi vào khu dân cư trốn ra đường khác đem tiền đi chi tiêu hết. Anh Đ chờ bên ngoài lâu không thấy T ra thì đi về.

Ngày 20/6/2021, H gọi điện thoại cho T yêu cầu T trả tiền để lấy lại xe. T nói với H: “Cái xe này anh lừa mượn của ông H2 bố vợ thằng Đ ở cạnh nhà”. Do có quen biết với anh Đ, H liền gọi điện cho anh Đ hỏi: “Anh T anh ấy lấy cái xe Dream của anh mang đi cầm à?”, anh Đ nói: “Ừ, nó lừa anh hai lần, một lần nó lừa mượn xe bố anh sau đó mang đi cầm lấy ba triệu, đến giờ chưa trả xe lại. Một lần nó lừa tiền anh nói là đi lấy xe nhưng nó cũng cầm luôn. Anh đang đề nghị Công an xử lý nó”. Lúc này H biết rõ nguồn gốc chiếc xe trên là tài sản do T phạm tội mà có. H gọi điện thoại cho T, yêu cầu T gọi điện thoại cho anh Đ để xin lỗi nhưng T từ chối và chửi H.

Đến ngày 26/6/2021 khi đang ở nhà tại xã V, do thiếu tiền tiêu sài, H nảy sinh ý định bán chiếc xe trên để thu hồi tiền. H gọi điện thoại cho bạn là Nguyễn Văn Q nói “Anh ơi, con xe Dream hôm trước em đi xuống dưới anh, con xe đấy không có giấy tờ, anh chỉ đi quanh dưới biển, anh xem có sử dụng được thì lấy mà đi rồi chuyển cho em ít tiền”, ý nói muốn bán chiếc xe máy cho Q. Q đồng ý và nói H mang xe xuống. Sau đó, H đi chiếc xe trên đến khu vực chợ Chiều thuộc thị trấn Thịnh Long thì gặp Q. Q hỏi H về chiếc xe, H nói xe này H bị anh con nhà bác lừa lấy ba triệu, giờ không lấy. Q hỏi về việc lừa xe, H nói: “Thằng anh con nhà bác em nó hay mượn xe linh tinh, cái xe này không biết nó lấy ở đâu, chắc lại mượn của người ta, không có giấy tờ”, ý H nói chiếc xe này mượn của người khác mang đến cầm cố cho H. Q đồng ý mua xe còn H đón xe bus để về nhà. Đến ngày 29/6/2021, Q chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng trả H 2.500.000đ. Tuy nhiên Q khai: Trước đó H xuống nhà bạn ở thị trấn Thịnh Long uống rượu sau đó để lại xe. Q gọi điện hỏi H cho mượn xe để đi thì H đồng ý. Khoảng vài ngày sau, H gọi điện nhờ Q bán giúp chiếc xe với giá 2.500.000đ. Q không bán chiếc xe cho người khác mà sử dụng để đi lại và chuyển qua tài khoản ngân hàng trả cho H 2.500.000đ.

Đến ngày 15/7/2021, sau khi bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Trục Ninh triệu tập làm việc, biết hành vi bán chiếc xe máy do T cầm cố đã bị phát hiện, H nhắn tin cho Q yêu cầu Q trả lại xe để giao nộp cho Cơ quan điều tra. Q nhắn tin trả lời đã bán xe và xe đã bị thay đổi biển số. Sáng ngày 16/7/2021, Q hẹn H đến chân cầu Lạc Quần thuộc xã Việt Hùng, huyện Trục Ninh giao chiếc xe máy trên lại cho H. Sau đó H đã đem giao nộp cho Cơ quan điều tra. Kiểm tra chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, đeo biển số 99H2 - 0768 và bộ phận máy đã bị thay thế bằng máy khác, có số máy là LC150FMG 01401077.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21 ngày 24/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Trục Ninh xác định: Trị giá của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển số 18Z3-6632 của ông Hà Văn H2 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 6.000.000 đồng.

**\* Vật chứng thu giữ :**

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, đeo biển số 99H2 - 0768, màu nâu, không gương chiếu hậu, đã qua sử dụng, số máy: LC150FMG01401077, số khung: RLHHA0607WY167232 do Hoàng Văn H tự nguyện giao nộp.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37; màu xanh, đã qua sử dụng của Hoàng Văn H.

- Số tiền 2.500.000đ do Hoàng Văn H tự nguyện giao nộp.

**\* Xử lý vật chứng:**

- Chiếc biển số 99H2-0768 là biển số của chiếc xe máy nhãn hiệu Maiesty, số máy: VTT1P52FMH-106177, số khung T106177 của chủ sở hữu tên Phạm Trọng Đ – SN: 1983 ở thôn Trung Thành, xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Năm 2008, anh Đ bị mất trộm tại tỉnh Nam Định nhưng không nhớ địa điểm cụ thể bị mất ở đâu và không trình báo cơ quan có thẩm quyền.

- Bộ phận máy có số máy LC150FMG01401077 là của chiếc xe mô tô nhãn hiệu QuicknewWave, biển số 35F4-4366, số khung: 01401077 đăng ký mang tên Bùi Đình X ở xã Gia Xuân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Năm 2016, con trai anh X là Bùi Đình T đã bán chiếc xe trên cho một người không quen biết tại Thành phố Hà Nội, hiện không xác định được người đó đang ở đâu vì thế không tiến hành xác minh được.

Cơ quan CSĐT đã thông báo đến các đơn vị Công an trong tỉnh có thẩm quyền để phối hợp xác minh làm rõ nhưng đến nay chưa có kết quả. Do vậy đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, đeo biển số 99H2-0768, Số máy: LC150FMG01401077, số khung: RLHHA0607WY167232 hiện đang được bảo quản, quản lý tại kho vật chứng Công an huyện Trục Ninh, Cơ quan CSĐT tách nội dung này và tiếp tục xác minh để xử lý theo quy định.

Đối với Chiếc xe máy biển số 18Z3-6632 và bộ phận máy của xe có số máy HAO5E-0167338, Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng đến nay chưa xác định được ở đâu để thu giữ, xử lý.

Đối với chiếc điện thoại di động T sử dụng để liên lạc với H cầm cố xe, sau đó T đã bán cho người khác nhưng không biết người mua là ai. Còn chiếc điện thoại Q sử dụng liên lạc nhắn tin với H, Q khai đã bị rơi mất nên với hai chiếc điện thoại di động này không thu giữ được để xử lý.

Đối với hành vi mua lại chiếc xe máy biển số 18Z3-6632 của Nguyễn Văn Q và số tiền 2.500.000đ là số tiền H bán xe cho Nguyễn Văn Q mà có: do Q thường xuyên không có mặt tại địa phương nên chưa kết luận được về hành vi của Q do đó tách vật chứng là chiếc xe máy trên và số tiền 2.500.000đ ra xử lý sau.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 21 tháng 10 năm 2021 của VKSND huyện Trục Ninh truy tố bị cáo Hoàng Quốc T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo

điểm d khoản 2 Điều 174 BLHS, truy tố bị cáo Hoàng Văn H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo tại khoản 1 Điều 323 BLHS.

Đại diện VKSND huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản Cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Quốc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS, xử phạt Hoàng Quốc T từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm b,i,s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS, xử phạt Hoàng Văn H từ 09 -12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 - 24 tháng.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 của bị cáo Hoàng Văn H.

Trách nhiệm dân sự không đặt ra, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Lời nói sau cùng các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải và xin HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm được cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án đều hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ đã trực tiếp xâm hại tới quyền sở hữu của công dân, trật tự công cộng - là khách thể được Hiến pháp và Bộ luật hình sự ghi nhận và bảo vệ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo biết hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, hành vi biết rõ là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn tiêu thụ là hành vi vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại CQCSĐT. Ngoài lời khai nhận của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo còn được

chứng minh bằng những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản ghi lời khai của người bị hại, người làm chứng; Kết luận định giá tài sản.

Từ những chứng cứ nêu trên, HĐXX thấy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo Hoàng Quốc T ngày 07/4/2021 và ngày 23/4/2021 đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, trước đó bị cáo đã bị kết án thuộc trường hợp “tái phạm”, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu TNHS theo điểm d khoản 2 Điều 173 BLHS.

Hành vi không hứa hẹn trước nhưng biết rõ là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn cố tình tiêu thụ của bị cáo Hoàng Văn H đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” - Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS.

Việc VKSND huyện Trực Ninh truy tố bị cáo Hoàng Quốc T về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 BLHS; Truy tố bị cáo Hoàng Văn H về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 BLHS tại bản cáo trạng số 63/CT-VKS-KSĐT ngày 21 tháng 10 năm 2021 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Để đảm bảo trật tự pháp luật giáo dục phòng ngừa chung tình hình tội phạm, việc áp dụng biện pháp pháp lý - hình sự đối với bị cáo là điều cần thiết.

[3] Về tình tiết tăng nặng TNHS:

Bị cáo Hoàng Quốc T phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS “phạm tội 02 lần trở lên”.

Bị cáo Hoàng Văn H không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ TNHS:

Bị cáo Hoàng Quốc T được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội đầu thú tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS

Bị cáo Hoàng Văn H được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát. HĐXX xét thấy:

Đối với bị cáo Hoàng Quốc T: Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, xét nhân thân bị cáo - HĐXX thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tiếp tục cách ly đối với bị cáo mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục phòng ngừa chung tình hình tội phạm.

Đối với bị cáo Hoàng Văn H: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, căn cứ Điều 65 BLHS - HĐXX thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần tuyên một mức hình phạt để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[6] Hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy cần không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử anh Nguyễn Thành Đ - đại diện theo uỷ quyền của ông Hà Văn H2 không yêu cầu bồi thường về dân sự nên HĐXX không xem xét. Bị hại, đại diện của bị hại có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác đối với bị cáo về yêu cầu bồi thường, nếu có yêu cầu.

[8] Về xử lý vật chứng:

Chiếc biển số 99H2-0768 là biển số của xe máy nhãn hiệu Maiesty, số máy: VTT1P52FMH-106177, số khung T106177 của chủ sở hữu tên Phạm Trọng Đ – SN: 1983 ở thôn Trung Thành, xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Năm 2008, anh Đ bị mất trộm tại tỉnh Nam Định nhưng không nhớ địa điểm cụ thể bị mất ở đâu và không trình báo cơ quan có thẩm quyền.

- Bộ phận máy có số máy LC150FMG01401077 là của xe mô tô nhãn hiệu QuicknewWave, BKS 35F4-4366, số khung: 01401077 đăng ký mang tên Bùi Đình X ở xã Gia Xuân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Năm 2016, con trai anh X là Bùi Đình T đã bán chiếc xe trên cho một người không quen biết tại Thành phố Hà Nội, hiện không xác định được người đó đang ở đâu vì thế không tiến hành xác minh được.

Cơ quan CSĐT đã thông báo đến các đơn vị Công an trong tỉnh có thẩm quyền để phối hợp xác minh làm rõ nhưng đến nay chưa có kết quả. Do vậy đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, đeo biển số 99H2-0768, Số máy: LC150FMG01401077, số khung: RLHHA0607WY167232 hiện đang được bảo quản, quản lý tại kho vật chứng Công an huyện Trực Ninh, Cơ quan CSĐT tách nội dung này và tiếp tục xác minh để xử lý theo quy định.

Đối với Chiếc xe máy biển số 18Z3-6632 và bộ phận máy của xe có số máy HAO5E-0167338, Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng đến nay chưa xác định được ở đâu để thu giữ, xử lý.

Đối với chiếc điện thoại di động T sử dụng để liên lạc với H cầm cố xe, sau đó T đã bán cho người khác nhưng không biết người mua là ai. Còn chiếc điện thoại Q sử dụng liên lạc nhắn tin với H, Q khai đã bị rơi mất nên với hai chiếc điện thoại di động này không thu giữ được để xử lý.

Xét thấy việc xử lý vật chứng của CQCSĐT là đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đối với số tiền 2.500.000 đồng thu lợi bất chính từ việc phạm tội của bị cáo Hoàng Văn H và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, đeo biển số 99H2-

0768, màu nâu, không gương chiếu hậu, đã qua sử dụng, số máy: LC150FMG01401077, số khung: RLHHA0607WY167232 bị cáo Hoàng Văn H bán xe cho Nguyễn Văn Q, do Q thường xuyên không có mặt tại địa phương nên chưa kết luận được hành vi của Q. Do đó CQCSĐT tách vật chứng là chiếc xe máy nên trên và số tiền 2.500.000 đồng ra để xử lý sau nên HĐXX không xem xét trong vụ án này. HĐXX kiến nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện Trục Ninh tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ đối với hành vi mua xe của Nguyễn Văn Q để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37; màu xanh, đã qua sử dụng của Hoàng Văn H là công cụ thực hiện tội phạm nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước

[8] Án phí: Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS: Tuyên bố bị cáo Hoàng Quốc T (Hoàng Văn T) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt Hoàng Quốc T (Hoàng Văn T) 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/7/2021.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm b,i,s khoản 1 Điều 51 BLHS: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Xử phạt Hoàng Văn H 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 25/11/2021).

Giao bị cáo Hoàng Văn H cho UBND xã V, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo chuyển nơi cư trú thì việc giám sát giáo dục được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS - Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37, màu xanh đã qua sử dụng (Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Trục Ninh với Chi cục THADS huyện Trục Ninh ngày 22/10/2021)

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Hoàng Quốc T, Hoàng Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.



Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng Đ Bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã V, huyện T ;
- Các bị cáo
- Lưu HS + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Chu Thái Hà**